TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/KDTM-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Quang.

Ông Bùi Hoàng Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty C; địa chỉ: Tầng I, Cao ốc S, Số C, đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 2002; nơi thường trú: khu phố A, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ: Tầng I, Cao ốc S, Số C, đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 22/7/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn G; địa chỉ: Số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật: Bà Lin Thị Như Y, sinh năm 1977; nơi thường trú: Tổ B, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Do Công ty trách nhiệm hữu hạn G (gọi tắt là công ty G) có nhu cầu vay

vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đề nghị Công ty C (gọi tắt là công ty C) tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C210917202 ngày 01/10/2021 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê"). Theo đó, các tài sản mà công ty G có nhu cầu thuê tài chính (sau đây gọi tắt là "tài sản thuê") là: 08 (tám) hệ thống băng chuyền; 04 (bốn) băng tải 18 mét; 01 (một) máy ép.

Cùng ngày 01/10/2021, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của công ty G theo Hợp đồng thuê, Công ty C đã chấp nhận các Thư bảo lãnh cá nhân của bà Lin Thị Như Y. Theo đó, trường hợp công ty G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, bà Y cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho công ty G theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, ngày 01/10/2021 Công ty C đã ký các hợp đồng mua bán số C210917202-PC và Thỏa thuận sửa đổi số C210917202-PC-AMT để mua các tài sản thuê từ công ty G sau đó cho công ty G thuê lại. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định pháp luật Việt Nam về hoạt động cho thuê tài chính. Ngày 11/10/2021, Công ty G đã ký giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê.

Tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê là 779.220.448 đồng, công ty G đã trả trước là 233.766.134 đồng, công ty C tài trợ một phần vốn là 545.454.314 đồng (giá trị thuê); thời hạn thuê là 36 tháng, kể từ ngày 11/10/2021 đến ngày 25/10/2024.

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Hàng tháng, Công ty G phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo các Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty G trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của các tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty G bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty G thường xuyên thanh toán không đúng hạn theo lịch trình đã thỏa thuận, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc với Công ty G để yêu cầu thanh toán.

Ngày 11/4/2023, do Công ty G vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê.

Ngày 27/4/2023, Công ty C đã ra thông báo yêu cầu thanh toán đến người bảo lãnh là bà Lin Thị Như Y yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty G vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tổng số tiền thuê hợp đồng thuê còn nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 336.487.882 đồng. Trong đó: nợ gốc là 225.176.449, nợ lãi trong hạn là 55.700.603 đồng, nợ lãi chậm trả là 55.610.830 đồng.

Buộc Công ty G thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 10/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính số C210917202 ký ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty G không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là bà Lin Thị Như Y có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty G còn nợ.

Hiện các tài sản mà công ty G thuê, công ty C không xác định chính xác tài sản lưu giữ tại đâu nên không yêu cầu xử lý tài sản thuê và không yêu cầu đưa công ty TNHH gia công Hưng Minh H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như người đại diện theo pháp luật của công ty G. Theo kết quả xác minh tại Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương cũng như Công văn số 133/ĐKKD ngày 01/02/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B: Công ty trách nhiệm hữu hạn G không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên; bà Lin Thị Như Y sinh năm 1977 có nơi thường trú tại tổ B, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng

quy định của pháp luật; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty G có địa chỉ trụ sở chính tại, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn công ty G và người đại diện theo pháp luật bà Y vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản thuê và không đưa công ty TNHH G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và đúng quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn. Xét thấy, ngày 01/10/2021 Công ty C và Công ty G có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C210917202, kèm theo là tài sản thuê. Để thực hiện hợp đồng, cùng ngày 01/10/2021 Công ty C đã ký hợp đồng mua bán tài sản số C210917202-PC và Thỏa thuận sửa đổi số C210917202-PC-AMT để mua các tài sản thuê từ Công ty G sau đó cho công ty này thuê lại. Tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê B210207901 là 1.571.860.000 đồng (giá trị thuê là 1.414.674.000 đồng), số tiền mà Công ty T đã trả trước là: 157.186.000 đồng; tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê là 779.220.448 đồng, công ty G đã trả trước là 233.766.134 đồng, công ty C tài trợ một phần vốn là 545.454.314 đồng (giá trị thuê); thời hạn thuê là 36 tháng, kể từ ngày 11/10/2021 đến ngày 25/10/2024.

[5] Như vậy, Công ty G bắt đầu thuê từ ngày 12/10/2021, nhưng lại không thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận của hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 07/02/2023. Do đó, Công ty C đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản, đồng thời gửi thư yêu cầu người bảo lãnh

là bà Y thanh toán tiền thuê. Qúa trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như người đại diện theo pháp luật bà Y bằng hình thức đăng trên phương tiện thông tin đại chúng tuy nhiên bị đơn cũng như người đại diện theo luật bà Y vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn xem như từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[6] Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty C căn cứ vào Điều 26 của Hợp đồng thuê khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc nói trên là phù hợp.

[7] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng cho thuê tài chính để yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi; với lãi suất áp dụng là 10,14%/năm và lãi suất quá hạn là 14,7%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 26 mục 3.1 của Hợp đồng cho thuê tài chính nên được chấp nhận.

[8] Xét về nghĩa vụ bảo lãnh của bà Y đối với nghĩa vụ trả tiền của Công ty G. Tại thư bảo lãnh có nội dung "… bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh…"

[9] Ngày 27/4/2023 Công ty C đã gửi thư yêu cầu bà Y là người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay Công ty C vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận của thư bảo lãnh cá nhân, Công ty C yêu cầu trong trường hợp Công ty G không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi thì buộc người bảo lãnh là bà Y có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty G còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335; Điều 342 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về các tài sản cho thuê tài chính, do Công ty C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

[12] Đề nghị của đại diện Việm kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 335; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn G về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính".

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tổng số tiền thuê hai hợp đồng thuê còn nợ tính đến ngày 09/8/2024 là 336.487.882 đồng. Trong đó: nợ gốc là 225.176.449 đồng, nợ lãi trong hạn là 55.700.603 đồng, lãi chậm trả là 55.610.830 đồng.

1.2. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn G không thực hiện việc thanh toán hết số nợ (theo mục 1.1 nêu trên) cho Công ty C thì bà Lin Thị Như Y có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn G còn phải thanh toán cho Công ty C.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn G thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty trách nhiệm hữu hạn G còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số C210917202 ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa Công ty C với Công ty trách nhiệm hữu hạn G.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải chịu 16.824.394 đồng (mười sáu triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Công ty C số tiền 9.018.240 đồng (chín triệu không trăm mười tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001816 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy đinh của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà